

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàyTháng....năm 2019

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO ĐIỂM THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH MÃ NGÀNH (7340101)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVƯT	Điểm ĐTUƯT
1	07001857	TAO THỊ ƠN	25/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
2	05004493	THÀO MÍ SÍNH	24/08/2001	NAM	1	C00	0.75	2
3	62000648	LÒ THỊ VÂN ANH	28/02/2001	NỮ	4	C00	0.75	2
4	10004182	MA THỊ VÂN LY	26/06/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
5	01046499	SÙNG Y XÊ	10/03/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
6	05004434	LÙ THỊ LỄ	20/01/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
7	08005557	NGUYỄN THU HUỆ	07/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
8	27008911	NGUYỄN CÔNG THÀNH	21/02/2001	NAM	1	C00	0.75	0
9	62002341	CÀ THỊ NGÂN	21/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
10	27008799	VƯƠNG KHÁNH LINH	01/12/2001	NỮ	6	C00	0.75	0
11	05004684	PHẦN THỊ NHUNG	14/12/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
12	23000451	NGUYỄN HỒNG VÂN	27/03/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
13	01041643	SẦN THỊ PHỤNG	01/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
14	06003766	LỤC THÚY MINH	27/03/2001	NỮ	5	C00	0.75	2
15	08006102	HOÀNG THỊ NẾT	29/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
16	10003818	VƯƠNG THỊ THUẬN	21/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
17	13001674	ĐẶNG THỊ XUÂN	29/12/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
18	27008765	NGUYỄN ĐĂNG HUY	04/04/1999	NAM	2	C00	0.75	0
19	10003662	TRƯƠNG THỊ HẬU	10/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
20	27008727	NGUYỄN THỊ HẰNG	12/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
21	62001638	VÀNG A HỒNG	03/02/2000	NAM	3	C00	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVU'T	Điểm ĐTU'T
22	28014569	ĐỖ THỊ HỒNG ĐIỆP	13/12/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
23	01070977	ĐỖ THỊ MINH	02/10/1999	NỮ	2	C00	0.25	0
24	25006359	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	21/08/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
25	62002050	LƯÔNG THỊ TÂM	10/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
26	01037915	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	26/05/2001	NAM	2	C00	0.00	0
27	01066691	NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ	20/12/2000	NỮ	3	C00	0.25	0
28	10006329	HOÀNG THỊ SEN	18/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
29	14009238	LƯÔNG THU TƯỚI	26/11/2001	NỮ	4	C00	0.75	2
30	22003808	TỪ THỊ HỒNG ĐIỆP	10/10/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
31	23000323	ĐẶNG THỊ LIÊN NHI	18/10/2001	NỮ	7	C00	0.75	0
32	62003175	HỒ THỊ DỖ	15/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
33	16001758	NGUYỄN THÙY LINH	02/07/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
34	17009000	ĐOÀN THỊ MINH PHƯỢNG	12/10/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
35	25012456	MAI LAN ANH	07/08/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
36	28027199	TÔ XUÂN LONG	31/12/2001	NAM	2	C00	0.75	0
37	01002442	BÙI THU VÂN	24/01/2001	NỮ	4	D01	0.00	0
38	01041518	NÔNG THỊ NGÀ	29/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
39	01042626	TRỊNH VĂN ĐẠI	02/04/2001	NAM	1	C00	0.25	0
40	01044301	KHUẤT THỊ NGỌC	28/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
41	07001633	TẦN LÙ MÂY	06/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
42	12000733	NÔNG THỊ THẨM	02/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
43	18008628	ĐÀO THỊ UYÊN	01/07/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
44	23006154	BÙI THỊ THÊU	15/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
45	28027431	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	17/07/2001	NAM	3	C00	0.75	0
46	38004438	VŨ THỊ THANH LÝ	29/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
47	62002077	LÒ VĂN THOẠI	19/06/2001	NAM	3	C00	0.75	2
48	09003455	HOÀNG ĐIỀU THU	21/11/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
49	15006687	NGUYỄN THỊ QUỲNH	30/12/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
50	17007416	TƯỜNG DUY HẬU	17/03/2001	NAM	1	C00	0.25	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVU'T	Điểm ĐTU'T
51	13006046	DUƠNG THỊ UYÊN	05/02/2001	NỮ	2	D01	0.75	2
52	05004762	VƯƠNG KIM TUYẾN	22/03/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
53	07001134	LỖ MỈ HIỀN	20/04/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
54	08005045	LÊ BÍCH THỦY	14/01/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
55	12000691	VÀNG THỊ SUA	27/08/2000	NỮ	4	C00	0.75	2
56	25017239	NGUYỄN VĂN TUẤN	26/05/2001	NAM	1	C00	0.50	0
57	17009950	NGUYỄN THỊ HÒA	05/05/2001	NỮ	4	D01	0.25	0
58	01001095	NGUYỄN HOÀNG LONG VŨ	23/09/2001	NAM	2	D01	0.00	0
59	18003764	TRẦN THỊ LAN CHINH	15/12/2001	NỮ	2	D01	0.75	0
60	19008662	HÀ THỊ TÂM	16/10/2001	NỮ	1	A00	0.50	0
61	01045257	MA THỊ CHÂM	07/10/2000	NỮ	1	C00	0.75	2
62	10003695	HOÀNG THỊ HƯƠNG	20/02/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
63	12013918	VŨ THỊ THU HÀ	20/02/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
64	14001232	NGÔ BẢO NGỌC	21/09/2001	NỮ	4	C00	0.75	0
65	24007820	TRẦN KHÁNH LY	18/02/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
66	62000780	LÃ THANH HUYỀN	24/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
67	62002007	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	18/03/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
68	62003141	SẦN THỊ CHƯƠNG	07/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
69	17008873	ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN	15/02/2001	NỮ	2	D01	0.25	0
70	01004379	NGUYỄN MINH CHÂU	02/12/2001	NỮ	3	D01	0.00	0
71	01017004	BÙI THỊ VI BÌNH	01/01/2001	NỮ	2	C00	0.00	1
72	01051286	NGUYỄN HẢI YẾN	11/03/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
73	15008814	PHẠM THỊ CHUYỀN	23/02/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
74	18000654	THÂN THU HẰNG	03/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
75	24008288	LƯƠNG ĐỨC THẮNG	20/08/2001	NAM	1	C00	0.50	0
76	28024319	NGUYỄN THỊ HÀ	01/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
77	01012364	TRƯƠNG MAI ANH	29/10/2001	NỮ	5	D01	0.00	0
78	01059238	NGUYỄN TUẤN VŨ	11/10/2001	NAM	1	D01	0.25	0
79	09003342	HOÀNG KIỀU DIỄN	25/12/2001	NỮ	3	C00	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVU'T	Điểm ĐTU'T
80	09005429	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	24/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
81	16001935	LÊ THỊ THANH THỦY	21/09/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
82	17003482	PHẠM THỊ Y VÂN	17/09/2001	NỮ	5	C00	0.50	0
83	28029463	VÕ THỊ HOÀ	07/05/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
84	62003886	TÔNG THỊ CHIÊM	20/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
85	01009225	BÙI NHẬT PHONG	09/12/2000	NAM	4	D01	0.00	0
86	01011347	VŨ HẢI YẾN	27/03/1998	NỮ	2	C00	0.00	0
87	01020348	NGUYỄN PHƯƠNG LAN	03/02/2001	NỮ	1	D01	0.00	0
88	01042851	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	01/02/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
89	01043349	NGUYỄN THỊ HUỆ	28/02/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
90	01044105	ĐINH CÔNG LUẬN	30/11/2001	NAM	1	C00	0.75	2
91	14000957	HÀ PHƯƠNG THẢO	13/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
92	21007822	AN THỊ PHƯƠNG DUNG	10/08/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
93	28004786	LÊ THỊ VÂN	10/04/2001	NỮ	4	C00	0.25	0
94	28011758	TRẦN THỦY DUNG	10/09/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
95	29029919	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	11/04/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
96	30003727	NGUYỄN THỊ THỦY NGÂN	03/10/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
97	15000731	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	30/08/2001	NỮ	1	D01	0.25	0
98	01041673	TÔ THỊ THÚY PHƯƠNG	19/09/2001	NỮ	6	D01	0.25	0
99	28003666	LÊ THỊ LINH	18/07/2001	NỮ	3	A00	0.25	0
100	28000916	NGUYỄN LINH CHI	18/10/2001	NỮ	3	D01	0.25	0
101	01003873	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	22/09/2001	NỮ	2	C00	0.00	0
102	01026663	NGUYỄN HUYỀN TRANG	26/03/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
103	01043681	PHÙNG THỊ THỦY LINH	13/05/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
104	01044852	PHAN ANH QUÂN	04/12/2000	NAM	2	C00	0.25	0
105	01060607	ĐỖ THỊ LÝ	13/08/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
106	03002888	ĐẶNG MỸ DUYÊN	26/09/2001	NỮ	4	C00	0.75	0
107	05004951	SÙNG THỊ PÀ	09/03/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
108	09003345	VƯƠNG THỊ DIỆP	13/05/2001	NỮ	2	C00	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVU'T	Điểm ĐTU'T
109	11002147	VŨ THỊ OANH	01/02/2001	NỮ	1	D01	0.75	0
110	12014058	MÔNG THỊ THÙY	11/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
111	17009976	ĐOÀN THỊ NGỌC HUYỀN	08/12/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
112	23002683	BÙI THẢO VÂN	13/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
113	28008446	PHAN THANH THU	24/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
114	29030106	LÊ THỊ TUYẾT	24/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
115	32003507	TRƯƠNG VĂN KHÁNH	10/03/2001	NAM	1	C00	0.75	0
116	38005426	NGUYỄN QUỲNH TRANG	23/12/2001	NỮ	2	D01	0.75	0
117	38008413	HOÀNG THỊ LINH	02/11/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
118	62001593	SÙNG THỊ DUNG	05/01/2000	NỮ	1	C00	0.75	2
119	01001561	PHẠM HÀ PHƯƠNG	13/07/2001	NỮ	5	D01	0.00	0
120	01011142	TÔ MINH PHƯƠNG	20/01/2001	NỮ	4	D01	0.00	0
121	18003827	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	06/06/2001	NỮ	2	D01	0.75	0
122	13005113	TRẦN THỊ MỸ LINH	28/08/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
123	19010596	BÙI THỊ VÂN ANH	03/02/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
124	21005450	LÂM THỊ HỒNG	31/07/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
125	24008173	NGUYỄN THỊ LIÊN	02/08/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
126	25013328	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	15/05/2000	NỮ	1	C00	0.50	0
127	25016665	MAI THỊ HỒNG VÂN	08/07/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
128	28003395	NGUYỄN THU THẢO	16/01/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
129	30001668	NGUYỄN HỒNG NHUNG	13/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
130	01001680	NGUYỄN THU THẢO	06/07/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
131	01040993	TÔ KHÁNH LIÊN	11/01/2001	NỮ	4	D01	0.25	0
132	01010165	NGUYỄN HỒNG NGỌC	15/05/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
133	21017290	LÊ THỊ NGỌC ANH	14/02/2001	NỮ	1	D01	0.50	0
134	24007764	TRỊNH THỊ HƯƠNG	26/12/2001	NỮ	1	D01	0.50	0
135	01011444	NGUYỄN XUÂN MAI	23/10/2001	NỮ	7	D01	0.00	0
136	01050985	NGÔ THỊ LÂM	12/03/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
137	01068335	NGUYỄN THỊ MỸ HÀ	15/12/2001	NỮ	1	C00	0.25	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVU'T	Điểm ĐTU'T
138	07001843	PHẠM THUY LINH	21/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
139	11002094	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	07/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
140	11002126	DƯƠNG TRÀ MY	02/01/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
141	21018079	BÙI THỊ LAN	09/09/2001	NỮ	4	C00	0.50	0
142	24008224	PHẠM THỊ THANH NGÂN	28/09/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
143	28014737	LÊ THỊ THUY TIÊN	05/02/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
144	26018183	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	20/02/2001	NỮ	3	D01	0.50	0
145	01019173	NGUYỄN THU ANH	01/08/2001	NỮ	1	D01	0.00	0
146	01019543	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	13/03/2001	NỮ	1	C00	0.00	0
147	10005051	LINH THỊ THANH NHÀN	04/09/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
148	10005363	LIỄU THỊ NIÊM	25/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
149	10008372	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	21/06/2001	NỮ	4	C00	0.75	0
150	12000515	LƯƠNG THỊ NGỌC LIÊN	11/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
151	17001226	LÊ THỊ XUÂN HỒNG	26/09/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
152	25000988	VŨ THANH NGÂN	01/07/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
153	25006680	HOÀNG THỊ NGỌC MAI	10/11/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
154	30014643	LÊ ĐÌNH ĐÌNH	20/06/2001	NAM	1	C00	0.75	0
155	40004883	NÔNG THỊ THẢO	11/02/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
156	62001983	MONG THỊ MINH	20/09/2000	NỮ	1	C00	0.75	2
157	01074451	NGUYỄN DUY LINH NHI	02/06/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
158	14006302	HÀ THỊ CẨM VÂN	28/08/2001	NỮ	1	A01	0.75	0
159	01043539	CHU DANH KHIẾT	22/05/2001	NAM	1	C00	0.25	0
160	01043626	ĐOÀN KHÁNH LINH	21/04/2001	NAM	1	C00	0.25	0
161	01052117	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	09/08/2000	NỮ	3	C00	0.25	0
162	06004384	SẦM THỊ HIỀN	27/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
163	15006775	HOÀNG THỊ HÀ TRANG	08/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
164	15012333	NGUYỄN THỊ LAN ANH	27/02/2000	NỮ	1	C00	0.75	0
165	16001612	BÙI THỊ THU HÀ	25/07/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
166	19004311	NGUYỄN THU PHƯƠNG	02/09/2001	NỮ	2	C00	0.50	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVU'T	Điểm ĐTU'T
167	23000036	NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH	06/05/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
168	23007559	BÙI THỊ LIÊN	27/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
169	26011475	ĐẶNG THỊ XUÂN	09/04/2001	NỮ	4	D01	0.50	0
170	26016211	ĐẶNG VIỆT AN	30/08/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
171	28027340	LÊ VĂN TÂN	19/10/2001	NAM	1	C00	0.50	1
172	32003446	NGUYỄN ĐỨC HẢO	03/05/2001	NAM	2	C00	0.75	0
173	62001768	GIÀNG A THÁI	17/08/2001	NAM	1	C00	0.75	2
174	01060833	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	18/06/2001	NỮ	3	D01	0.25	0
175	01007707	LƯU CẨM TÚ	12/12/2001	NỮ	4	D01	0.00	0
176	01010432	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	06/10/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
177	01014389	TRƯƠNG THU TRANG	08/03/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
178	01049350	KIỀU THỊ HOÀI NGỌC	16/10/2001	NỮ	1	D01	0.25	0
179	01072498	NGUYỄN HUYỀN ANH	13/05/2001	NỮ	4	A00	0.00	0
180	13005812	HOÀNG LAN HƯƠNG	01/10/2001	NỮ	2	D01	0.75	0
181	01048112	KHUẤT THỊ HIỀN	03/03/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
182	01058622	LƯU NGỌC LƯƠNG	22/11/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
183	10002256	LÝ THU THỦY	10/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
184	13004182	TRẦN THỊ DUYÊN	08/11/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
185	16005521	ĐẶNG GIANG NAM	17/02/2001	NAM	2	C00	0.75	0
186	18009213	NGÔ THỊ KHÁNH NGÂN	21/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
187	23003043	NGUYỄN THỊ THU TRANG	18/03/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
188	25017194	VŨ VĂN TIỆP	03/05/2001	NAM	1	C00	0.50	0
189	27006630	PHẠM THỊ HOÀI	08/03/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
190	30009662	NGÔ THỊ NHƯ QUỲNH	20/11/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
191	31007385	NGUYỄN PHẠM KIỀU ANH	25/02/2000	NỮ	2	C00	0.25	0
192	42006926	LÝ THỊ HẠNH	27/12/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
193	01046690	LY THỊ MÙA	27/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
194	01060337	NGUYỄN THỊ THÀNH	24/06/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
195	06004188	NÔNG THỊ GHÉN	30/05/2000	NỮ	1	C00	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTU'T
196	06004246	TRỊNH THỊ MAI	02/12/2000	NỮ	2	C00	0.75	2
197	16000636	HOÀNG THU HUYỀN	24/05/2001	NỮ	6	C00	0.25	1
198	18008625	BÙI THU UYÊN	13/08/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
199	18018896	TRỊNH HUYỀN TRANG	24/11/2001	NỮ	4	C00	0.25	0
200	25001046	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	23/08/2001	NỮ	2	D01	0.25	0
201	27005839	ĐINH THỊ HUẾ	14/10/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
202	36002415	TRẦN THỊ HOA	10/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
203	62001820	THẢO A TRƯỜNG	06/04/2001	NAM	2	C00	0.75	2
204	01020436	PHAN YẾN LINH	04/01/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
205	01049944	NGUYỄN THỊ THU TRANG	27/04/2001	NỮ	4	C00	0.25	0
206	01056355	HOÀNG THỊ TUYẾT NGÂN	23/03/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
207	01065442	PHẠM ĐỨC CƯỜNG	19/06/2001	NAM	1	C00	0.25	0
208	06002251	HOÀNG THỊ THANH TÂM	16/10/2001	NỮ	4	C00	0.75	2
209	15006320	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	30/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
210	17005159	NGUYỄN HIỀN LINH CHI	30/06/2001	NỮ	4	C00	0.75	0
211	17012586	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	18/09/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
212	18001512	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	02/04/2001	NỮ	5	C00	0.75	0
213	18013994	NGÔ THỊ HOA	23/11/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
214	23003022	TRẦN PHƯƠNG THẢO	21/01/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
215	30004944	NGUYỄN THỊ TRÀ	01/06/2001	NỮ	1	C00	0.25	0

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

TS. Trần Quang Tiến

